

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B Đ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2020/DS - ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP, TỈNH BÌNH PHƯỚC  
*Thành phần hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Chúc

*Các hội thẩm:* Ông Nguyễn Đình Minh và bà Điều Thị Hương

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nông Thúy Hằng

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST-DS, ngày 31/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS ngày 21/7/2020; Thông báo dời lịch xét xử số: 10/TB- DS, ngày 21/8/2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Hảo H, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có mặt;

Đồng bị đơn: Ông Hà Văn H1, sinh năm: 1980 và bà Mai Thị Ng, sinh năm: 1983 – vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Kim Ng1, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Tổ 8, Ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Những người làm chứng:

1. Phạm Thành T, sinh năm: 1955

2. Đào Hồng Tr, sinh năm: 1955

3. Vũ Liên H2, sinh năm: 1975

4. Lê Văn Qu, sinh năm: 1974

Cùng địa chỉ: Ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn yêu cầu khởi kiện cùng các biên bản làm việc, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Hảo H trình bày:

Vào ngày 06/01/2014 ông H có sang nhượng của ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng thửa đất số 265, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại: Ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước có tổng diện tích là 506.1m<sup>2</sup>, đã được UBND huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2009 đứng tên hộ ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng với giá tiền là 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), có tứ cận giáp ranh như sau:

- Phía bắc giáp thửa 275 có cạnh dài 51.6m;
- Phía nam giáp thửa 275 có cạnh dài 58.91m;
- Phía đông giáp thửa 275 có cạnh dài 10.3m;
- Phía tây giáp đường nhựa liên thôn có cạnh dài 10.3m

Ông H và ông H1 có lập 01 giấy xác nhận sang nhượng đất đề ngày 06/01/2014 không có sự chứng kiến của bà Ng, có xác nhận của tổ an ninh ông Đào Hồng Tr và người làm chứng là ông Phạm Thanh T. Tại thời điểm đó ông H1 nói đất này chưa có sổ nên làm giấy sang nhượng tay chừng nào có sổ thì sẽ làm thủ tục sang nhượng. Sau khi làm giấy sang nhượng xong thì ông H1 giao đất cho gia đình ông H ông Ng1 sử dụng ổn định cho đến nay và ông H, ông Ng1 đã trồng cây lâu năm, xây dựng công trình trên đất như chuồng trại chăn nuôi cố định. Tuy nhiên gia đình ông H chờ hoài cũng không thấy ông H1, bà Ng làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình ông, do ông H1, bà Ng đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ. Ngày 23/7/2019 ông H có đơn yêu cầu Tòa án huyện B Đ thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là ông H1, bà Ng. Ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân huyện B Đ ban hành quyết định thông báo tìm kiếm ông Hà Văn H1, sinh năm: 1990 và bà Mai Thị Ng, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp 1, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, ông H đã nhắn tin và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông H1, bà Ng vẫn vắng mặt không trở về. Nay ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Hảo H và ông Hà Văn H1

và bà Mai Thị Ng để ông H làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Hà Văn H1, bà Mai Thị Ng vắng mặt nên không trình bày được ý kiến và yêu cầu của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Kim Ng1 thống nhất với yêu cầu của ông Dương Hảo H.

Người làm chứng ông Phạm Thành T (bút lục: 29) trình bày: Ông T và ông H, ông H1, bà Ng1 có mối quan hệ là hàng xóm, vào thời điểm ông H1 bán đất cho ông H thì có gọi ông sang làm chứng giá cả như thế nào ông không quan tâm, chỉ nhớ có giấy tờ rõ ràng và có ấn xác nhận.

Người làm chứng ông Đào Hồng Tr (bút lục 50) trình bày: Ông T, ông Tr là người trực tiếp chứng kiến việc sang nhượng đất giữa ông H và ông H1, khi sang nhượng hai bên có tiến hành đo đạc lại diện tích đất chiều ngang 10 m chạy theo đường chính, chiều dài hết đất. Tọa lạc tại: Tổ 9, Ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước với giá 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Ông H đã giao đủ tiền cho ông H1, sau đó hai bên có làm giấy sang nhượng có đầy đủ chữ ký của người làm chứng trong đó có tôi, từ khi nhận sang nhượng đất của ông H1 đến nay ông H vẫn đang sử dụng ổn định đến nay.

Người làm chứng ông Vũ Liên H2 (bút lục 31) trình bày: Ông H2 là hàng xóm của ông H, ông có chứng kiến việc vợ chồng ông H mua đất của ông H1. Khi ông H1 đến giao đất cho ông H chỉ mình ông H1 không có bà Ng và ông H có kêu tôi ra để chỉ ranh mốc, ông H nhận đất xong thì giao tiền cho ông H1 ngay trong ngày. Vợ chồng ông H ông Ng1 sử dụng đất này từ năm 2014 không có ai tranh chấp.

Người làm chứng ông Lê Văn Qu trình bày tại (bút lục 32) như sau: Ông Qu chỉ biết ông Hà Văn H1 chứ không biết bà Ng. Ông Qu là hàng xóm của vợ chồng ông H, ông Ng1: Ông có biết việc vợ chồng ông H, ông Ng1 có mua 01 thửa đất tại ấp Th T, thị trấn Th B của ông H1 có diện tích ngang 10m, dài 50m vì miếng đất này đối diện với nhà tôi, còn việc mua bán làm giấy tờ như thế nào tôi không chứng kiến, tôi chỉ chứng kiến ông H trả tiền đất cho ông H1, trả tại nhà ông H1, chỉ mình ông H1 nhận tiền còn số tiền bao nhiêu tôi cũng không biết. Sau khi mua đất xong thì ông H sử dụng ổn định đến nay không có ai tranh chấp.

Vì lý do bận công việc nên ông H2, ông Qu có yêu cầu được vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa và các phiên tòa đồng thời đề nghị tòa án không triệu tập ông Qu và ông H2 đến làm việc và tham gia phiên tòa.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì ông H1, bà Ng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ông Dương Hảo H xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn ông Dương Hảo H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp “hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng. Yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy xác nhận đất do ông H và ông H1 lập ngày 06/01/2014.

- Bị đơn ông H1 và bà Ng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ng1 và những người làm chứng vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào; về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” của nguyên đơn ông Dương Hảo H đối với bị đơn ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn yêu khởi kiện của ông Dương Hảo H là quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 697 Bộ luật dân sự 2005, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Theo kết quả xác minh ngày 31/12/2019 của TAND huyện Bù Đốp, ông Hà Văn H1 đã rời khỏi nơi cư trú từ năm 2017 đến nay không trở về, khi rời đi không thông báo cho ông H1 biết việc thay đổi địa chỉ khác với địa chỉ ông H1 bà Ng đang cư trú, xác định ông H1, bà Ng đã cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ

luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ông H đã thực hiện thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông H1, bà Ng, thông báo tìm ông H1, bà Ng đã được thực hiện, được phát trên phương tiện thông tin đại chúng đúng quy định của pháp luật nhưng ông H1, bà Ng không trở về, không có thông tin liên lạc. Do vậy, Tòa án tiến hành niêm yết thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của ông H1, bà Ng tại ấp 1, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước. Tại phiên tòa, ông H1, bà Ng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà Ng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Kim Ng1 có đơn yêu cầu vắng mặt và không có yêu cầu độc lập, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng1 theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét về hình thức của hợp đồng: Xét giấy xác nhận sang nhượng đất giữa ông Hà Văn H1 và ông Dương Hảo H được đã được ký kết ngày 06/01/2014, có chữ ký chữ viết của bên mua đất và bên bán đất và người làm chứng là ông Đào Hồng Tr và ông Phạm Thành T, Vũ Liên H2, Lê Văn Qu nhưng không có công chứng chứng thực của chính quyền địa phương chưa đảm bảo về mặt hình thức đúng theo qui định pháp luật.

Xét về nội dung của hợp đồng: Trong nội dung của giấy xác nhận sang nhượng đất ( thể hiện tại BL số 96) cùng lời trình bày của những người làm chứng: Ông Phạm Thành T, Đào Hồng Tr, Vũ Liên H2, Lê Văn Qu xác nhận là có chứng kiến ông Hà Văn H1 và Ông Dương Hảo H có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có diện tích 506.1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Ấp Th T thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước từ ông Hà Văn H1 sang ông Dương Hảo H vào thời điểm năm 2014. Xét tính pháp lý của giấy xác nhận này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật, người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng, người chuyển nhượng có quyền định đoạt tài sản mà mình đang sở hữu. Như vậy: Sau khi lập giấy xác nhận sang nhượng đất nói trên các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ theo Điều 697,698,699,701 của Bộ luật dân sự 2005.

Để có cơ sở giải quyết vụ án đúng pháp luật đã thu thập được trong hồ sơ cấp đất của hộ ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng lưu trữ tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B Đ. Ngày 17/8/2020, Tòa án nhân dân huyện B Đ đã ban hành quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Hà Văn H1 trong giấy xác nhận sang

nhượng đất gửi phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản kết luận giám định chữ ký, chữ viết số: 4266/C09B ngày 14/9/2020 của Viện khoa học hình sự; Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận các mẫu chữ ký, chữ viết như sau:

+ Kết luận về đối tượng giám định:

- Chữ ký đứng tên Hà Văn H1, chữ viết họ tên “Hà Văn H1” dưới mục “Chủ đất ký” trên “giấy xác nhận sang nhượng đất” đề ngày 06/01/2014 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Văn H1 trên tài liệu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Hà Văn H1, chữ viết họ tên “Hà Văn H1” dưới mục “Chủ đất ký” trên “giấy xác nhận sang nhượng đất” đề ngày 06/01/2014 (ký hiệu A) so với dạng chữ chữ viết đứng tên “H1” trên 02 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là do không phải cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Hà Văn H1, chữ viết họ tên “Hà Văn H1” dưới mục “Chủ đất ký” trên “giấy xác nhận sang nhượng đất” đề ngày 06/01/2014 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Văn H1 trên tài liệu so sánh ký hiệu M2 là do không cùng một người viết ra. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy: Việc sang nhượng đất theo giấy xác nhận sang nhượng đất đề ngày 06/01/2014 là hoàn toàn có thật; Mặc dù bà Mai Thị Ng vợ ông H1 là đồng sở hữu sử dụng thửa đất này không chứng kiến việc mua bán đất và ký vào giấy xác nhận sang nhượng thửa đất nêu trên giữa ông Dương Hảo H và ông Hà Văn H1 nhưng từ thời điểm ngày 06/01/2014 đến nay gia đình ông H, ông Ng1 đã sử dụng ổn định và đã trồng cây lâu năm, xây dựng chuồng trại chăn nuôi cố định trên đất bà Ng cũng không có khiếu nại hoặc tranh chấp gì.

Theo hướng dẫn tại điểm b.2 tiểu mục 2 mục II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10-8-2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể: “ Nếu bên nhận chuyển nhượng đã trả đủ tiền chuyển nhượng đất, bên chuyển nhượng đã giao toàn bộ diện tích đất, thì Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất đó”. Trong trường hợp này sau khi làm hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, ông H đã sử dụng ổn định diện tích đất đã mua của ông H1 từ ngày 06/01/2014 đến nay không có tranh chấp gì. Từ những căn cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hảo H về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Hảo H và ông Hà Văn H1 đã được lập ngày ngày 06/01/2014. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 và trích lục bản đồ địa chính của

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai ngày 23/6/2020 thì thửa đất ông Dương Hảo H sang nhượng của ông Hà Văn H1 có tổng diện tích: 506.1m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất là hợp tình, hợp lý và hoàn toàn phù hợp với các qui định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng vắng mặt mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy ông H1, bà Ng không trình bày được ý kiến của mình. Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị Kim Ng1 thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm. Hội đồng xét xử không xét.

Người làm chứng: Ông Phạm Thành T, Đào Hồng Tr, Vũ Liên H2, Lê Văn Qu vắng mặt, không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí DSST: Do toàn bộ đơn yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Hảo H được chấp nhận nên bị đơn ông Hà Văn H1, bà Mai Thị Ng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, trích lục hồ sơ cấp đất; Lệ phí đo đạc và chi phí giám định chữ ký, chữ viết đã chi 15.672.917 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng ông H đã nộp tại TAND huyện B Đ và chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B Đ. Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông H1, bà Ng phải chịu chi phí này và có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H.

*Vì các lý lẽ nêu trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Các Điều 697, 698, 699, 701 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 106, Điều 127, Luật đất đai (năm 2003); khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 164, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; b.2 tiểu mục 2 mục II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10-8-2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hảo H về việc: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Hà Văn H1 và bà Mai Thị Ng.

[2] Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/01/2014 giữa ông Dương Hảo H và ông Hà Văn H1; Ông Dương Hảo H và bà Đào Thị Kim Ng1

được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 506,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 17 địa chỉ: Ấp Th T, thị trấn Th B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 của TAND huyện B Đ và phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đất đai huyện B Đ ngày 23/6/2020); Tứ cận giáp ranh như sau:

- Phía bắc giáp thửa 275 có cạnh dài 51.6m;
- Phía nam giáp thửa 275 có cạnh dài 58.91m;
- Phía đông giáp thửa 275 có cạnh dài 10.3m;
- Phía tây giáp đường nhựa liên thôn có cạnh dài 10.3m.

Tài sản trên đất gồm: 13 cây điều 13 năm tuổi, 12 nọc tiêu 05 năm tuổi; 01 chuồng heo xây, tường gạch, mái lợp tôn, diện tích 42.26m<sup>2</sup>; 01 chuồng heo xây tạm: cột kèo gỗ, mái tôn, nền đất, vách tạm diện tích: 10m<sup>2</sup>,

Ông Dương Hảo H, bà Đào Thị Kim Ng1 được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí DSST: Ông Hà Văn H1, bà Mai Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST không có giá ngạch.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đ hoàn trả ông Dương Hảo H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0017144, ngày 31/12/2019.

[5] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hà Văn H1, bà Mai Thị Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Hảo H 15.672.917 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích lục hồ sơ, lệ phí đo đạc và chi phí giám định.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.



**Nơi nhận :**

- VKSND huyện Bù Đốp;
- THADS huyện Bù Đốp;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Lâm Thị Chức**